

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 330/2026/DS-PT

Ngày: 20-3-2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Thanh

Ông Nguyễn Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 951/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1962, CCCD số 072162008226; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2026, có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày:

Ngày 29-10-2022, bà có nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H1 phần đất diện tích 2.633 m², thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 35 (thửa cũ là 1807, tờ bản đồ số 5), tọa lạc tại xã L, tỉnh Tây Ninh với giá 2.500.000.000 đồng, bà đã giao đủ tiền cho bà H1 trong hợp đồng đặt cọc. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H1 cũ, cần trích đo lại theo bản đồ mới nên hai bên hẹn 90 ngày sau, tức là ngày 29-01-2023 sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng.

Sau khi nhận đủ tiền chuyển nhượng, bà H1 giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và tờ Văn bản phân chia tài sản thừa kế cho bà cất giữ. Sau đó bà yêu cầu bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng bà H1 không ký, do bà H1 nói chưa nhận đủ tiền. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Nhưng do hai bên chỉ mới ký hợp đồng đặt cọc, chưa ký hợp đồng chuyển nhượng, nên nay bà yêu cầu bà H1 trả lại 2.500.000.000 đồng đã nhận, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu phạt cọc.

Bị đơn bà Lê Thị H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cũng không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh, đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của bà Võ Thị Mỹ H đối với bà Lê Thị H1.

Buộc bà Lê Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Mỹ H số tiền đặt cọc là 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng.

Ngay sau khi bà Lê Thị H1 trả đủ số tiền 2.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án nếu có thì bà Võ Thị Mỹ H phải trả lại cho bà Lê Thị H1: 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02152 QSDĐ/1498/2004/HĐ-CN, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16/7/2004 cho bà Lê Thị H1 đứng tên sử dụng; 01 bản gốc Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 27/10/2022 do Ủy ban nhân dân xã L chứng thực số 528 quyền số 01/2022-SCT/HĐ,GD.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H1 chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Mỹ H số tiền 300.000 đồng theo Biên lai đóng tiền tạm ứng án phí số 0005124 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu nay là Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh.

Bà Lê Thị H1 phải chịu 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ghi nhận bà Võ Thị Mỹ H tự nguyện chịu 1.500.000 đồng, bà H đã chi phí xong.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 10/11/2025, bị đơn bà Lê Thị H1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H1, ông Nguyễn Trọng N trình bày: Bà H thừa nhận đã thực hiện việc giao dịch, nhận giấy ủy quyền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với bà H1. Tuy nhiên, bà H chưa thực hiện việc giao tiền cho phía bà H1, bà H cho rằng đã giao tiền cho bà H1 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày: Ngày 29/10/2022, hai bên có đến tiệm vàng chỗ bà C thỏa thuận và ký hợp đồng đặt cọc. Sau khi ký kết xong hợp đồng tại tiệm vàng bà C, tôi cùng bà H1 về nhà tôi, tại đây tôi đã giao đủ cho bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022; sau đó thay đổi yêu cầu bà H1 trả lại tiền cọc 2,5 tỷ đồng đã nhận, không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu phạt cọc.

Theo Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 thể hiện bà H1 đồng ý chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 12, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.633m² tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh với giá 2,5 tỷ đồng. Bà H đã đặt cọc 2,5 tỷ đồng; thời hạn đặt cọc là đến ngày 29/01/2023.

Tại thời điểm bà H khởi kiện (ngày 04/3/2025) đã hết thời hạn đặt cọc nhưng các bên vẫn chưa ký kết HĐCN, trong quá trình giải quyết vụ án bà H1 cũng không đến Tòa nên các bên không thỏa thuận lại được thời hạn ký kết HĐCN; do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng đặt cọc này là có cơ sở.

Về nguyên nhân các bên không ký kết được hợp đồng chuyển nhượng: Bà H cho rằng do bà H1 không thực hiện đúng cam kết; tại đơn kháng cáo bà H1 cho rằng do bà chưa nhận được số tiền 2,5 tỷ đồng theo hợp đồng đặt cọc nên không đồng ý ký kết HĐCN cho bà H.

Xét việc giao nhận số tiền đặt cọc: Hợp đồng đặt cọc thể hiện số tiền đặt cọc trước là 2,5 tỷ đồng; số tiền còn lại thể hiện “*Bên bán đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỉ năm trăm triệu đồng)*”. Hai bên thống nhất Hợp đồng

đặt cọc được lập và ký tên tại tiệm vàng của bà C và do bà C viết giùm.

Tại phiên tòa phúc thẩm và tài liệu có trong vụ án trước đây thể hiện: Bà H1 thừa nhận có ký vào hợp đồng đặt cọc nhưng khi đó bà H cho rằng do là ngày thứ bảy, Ngân hàng không làm việc nên không có tiền giao liền cho bà H1 được nên sẽ giao tiền sau cho bà nhưng sau đó không giao nên bà không đồng ý ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà H.

Chị H cho rằng đã giao đủ số tiền 2,5 tỷ đồng cho bà H1 nhưng có lúc bà H trình bày giao tiền tại tiệm vàng, có lúc trình bày chở bà H1 đến nhà để đưa 2,5 tỷ đồng và bà H1 đưa giấy đất gốc cùng văn bản từ chối nhận tài sản cho bà, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng sau khi ký hợp đồng đặt cọc xong thì chở bà H1 về và giao tiền tại nhà bà H1.

Như vậy, bà H cũng thừa nhận tại thời điểm các bên ký hợp đồng đặt cọc tại tiệm vàng thì bà chưa giao tiền cho bà H1 nên nội dung “*Bên bán đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỉ năm trăm triệu đồng)*” là không đúng thực tế diễn ra vụ việc, vì vậy nội dung này không phải là cơ sở xác định bà H1 đã nhận tiền đặt cọc của bà H. Do đó, việc bà H1 cho rằng tại thời điểm ký kết hợp đồng bà chưa nhận được tiền đặt cọc là phù hợp với lời trình bày của bà H, đã được bà H thừa nhận.

Bà H cho rằng sau đó đã giao đủ số tiền này cho bà H1 nhưng bà không có chứng cứ; bà H1 cũng không thừa nhận sau khi về nhà có nhận số tiền 2,5 tỷ đồng.

Việc bà H1 đưa giấy đất gốc cùng văn bản từ chối nhận tài sản cho bà H không phải là cơ sở xác định cho rằng bà H đã giao đủ tiền đặt cọc. Mặt khác, bà H trình bày hai bên có đến ủy ban tìm hiểu thông tin về thửa đất sau đó mới ký kết hợp đồng đặt cọc; hợp đồng đặt cọc có thông tin về thửa đất nên việc bà H1 cho rằng đã giao giấy đất cho bà H từ khi ký kết hợp đồng đặt cọc, không phải giao sau khi nhận tiền là có cơ sở.

Vì vậy, bà H1 kháng cáo cho rằng bà không nhận số tiền 2,5 tỷ đồng theo Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 là có cơ sở chấp nhận nên không có cơ sở buộc bà H1 trả cho bà H số tiền này.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H1 đứng tên và Văn bản phân chia di sản thừa kế hiện bà H đang giữ: Hợp đồng giữa bà H với bà H1 là hợp đồng đặt cọc; không phải là vay có thế chấp; nay hợp đồng đặt cọc đã bị hủy, các bên không ký kết được HĐCN; quyền sử dụng đất của bà H1 cũng không phải là tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả số tiền cọc nên cần buộc bà H trả lại cho bà H1 bản chính GCN QSD đất. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên sau khi bà H1 thanh toán xong tiền thì bà H mới trả lại GCNQSDĐ và Văn bản phân chia di sản thừa kế cho bà H1 là không đúng.

Bà H1 kháng cáo cho rằng vụ án có dấu hiệu tội phạm hình sự nên yêu cầu hủy án sơ thẩm để chuyển sang cơ quan điều tra. Tuy nhiên, số tiền bà H yêu cầu bà H1 trả trong vụ án này xuất phát từ hợp đồng đặt cọc giữa các bên; bà H1 không chứng minh được bà H có hành vi vi phạm pháp luật hình sự để ký kết hợp đồng này nên không có cơ sở để hủy án sơ thẩm để chuyển hồ sơ sang Cơ quan cảnh sát

điều tra để điều tra vụ án như bà H yêu cầu.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị H1; căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa án sơ thẩm theo hướng: Tuyên hủy hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 giữa bà H với bà H1; buộc bà H trả lại bản chính GCNQSDĐ do bà H1 đứng tên và Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 27/10/2022 cho bà H1 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà H1 trả lại số tiền cọc 2,5 tỷ đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1:

[2.1] Xét thấy, ngày 29/10/2022, bà Võ Thị Mỹ H thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị H1 phần đất diện tích 2.633m², thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh với giá thỏa thuận là 2.500.000.000 đồng. Hai bên tiến hành ký hợp đồng đặt cọc với nội dung bà H đặt cọc cho bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận thời gian đặt cọc là 90 ngày, kể từ ngày 29/10/2022 đến hết ... giờ ngày 29/01/2023. Bên A (bà H1) nhận đủ tiền cọc sẽ cùng với Bên B (bà H) làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi thủ tục công chứng hoàn tất, Bên B giao đủ số tiền còn lại cho Bên A. Như vậy, giữa bà H và bà H1 đã xác lập 01 thỏa thuận “đặt cọc” để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan phần đất diện tích 2.633m², thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh với giá thỏa thuận là 2.500.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, bị đơn bà Lê Thị H1 thừa nhận ký tên vào Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 nhưng cho rằng bà H chưa giao bà số tiền 2.500.000.000 đồng theo như thoả thuận của hợp đồng đặt cọc. Thấy rằng, mặt dù tại Điều 2 của Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 thể hiện: *“Thoả thuận giá bán, chuyển nhượng. Tổng số tiền: 2.500.000.000 đồng. Bên B đặt cọc trước số tiền: 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Số tiền còn lại: Bên bán đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000. Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng”*. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà H trình bày sau khi thoả thuận chuyển nhượng và ký hợp đồng đặt cọc đề ngày 29/10/2022 tại tiệm vàng của bà Huỳnh Thị Kim C nhưng bà chưa giao tiền cọc cho bà H1. Sau đó, bà cùng với bà Lê Thị H1 về lại nhà bà, tại đây bà đã giao đủ cho bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng nhưng lời trình bày trên của bà H không được phía bị đơn bà H1 thừa nhận và bà H cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh ngày 29/10/2022, tại nhà bà, bà đã giao cho bà H1 số tiền cọc 2.500.000.000 đồng. Như vậy, việc nguyên đơn bà H trình bày đã giao số tiền cọc 2.500.000.000 đồng cho bà H1 là không có cơ sở. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng đặt cọc ngày 29/10/2022 để giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H1 phải trả cho bà H số tiền đặt cọc 2.500.000.000 là không có căn cứ.

[2.3] Xét, do bà H chưa giao bà H1 tiền cọc, vi phạm thoả thuận đặt cọc nên Hội đồng xét xử xét tuyên huỷ hợp đồng đặt cọc và buộc chị Võ Thị Mỹ H phải trả lại cho bà Lê Thị H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02152 QSDĐ/1498/2004/HĐ-CN, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16/7/2004 cho bà Lê Thị H1 đứng tên sử dụng; 01 bản gốc Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 27/10/2022 do Ủy ban nhân dân xã L chứng thực số 528 quyền số 01/2022-SCT/HĐ,GD.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1, sửa bản án sơ thẩm. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được Toà án chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được Toà án chấp nhận và bà H1 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” giữa nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ H đối với bị đơn bà Lê Thị H1, về việc yêu bị đơn bà Lê Thị H1 trả số tiền cọc 2.500.000.000 đồng.

Huỷ Hợp đồng đặt cọc đề ngày 29/10/2022 giữa chị Võ Thị Mỹ H đối với bà Lê Thị H1 liên quan đến thửa đất số 12 diện tích 2.633m², tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Buộc chị Võ Thị Mỹ H phải trả lại cho bà Lê Thị H1 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02152 QSDĐ/1498/2004/HĐ-CN, do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 16/7/2004 cho bà Lê Thị H1 đứng tên sử dụng; 01 bản gốc Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 27/10/2022 do Ủy ban nhân dân xã L chứng thực số 528 quyền số 01/2022-SCT/HĐ,GD.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ghi nhận chị Võ Thị Mỹ H tự nguyện chịu 1.500.000 đồng, chị H đã nộp và chi phí xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ H phải chịu 82.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được Toà án chấp nhận nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005124 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, phần còn lại tiếp tục thi hành.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân